

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	7 – 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất	13 – 40

11/01/2023 10:00

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300296337 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **1.100.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vận xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Dúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cần	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Cương	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Kim Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Tinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh



II.61 F. VI. N. E. M. 1. K. II

Số: 19/2016/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka, được lập ngày 25 tháng 7 năm 2016, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 10 tháng 12 năm 2015 như sau:

Headquarters

29 Hoàng Sa Str., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka chưa thu thập được lịch trả nợ của các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của các Ngân hàng, do đó kiểm toán viên không có đủ căn cứ để xem xét việc phân loại và trình bày nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Công ty.

Theo Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty con – Công ty Cổ phần Rexam A.B.M (đã được kiểm toán) với ý kiến kiểm toán ngoại trừ các vấn đề liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán. Theo đó, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến nhận xét việc ảnh hưởng của các số liệu tài chính, kế toán của Công ty con này đến báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

11/07/2016 10:00:00

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.268.210.350.358	1.701.155.391.549
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.962.952.717	70.517.810.036
1.	Tiền	111	V.01	4.962.952.717	70.517.810.036
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		760.968.071.142	1.134.079.398.964
1.	Phải thu khách hàng	131		425.956.042.129	618.019.690.858
2.	Trả trước cho người bán	132		103.840.009.288	213.114.285.028
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	231.337.060.423	303.110.463.776
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(165.040.698)	(165.040.698)
IV.	Hàng tồn kho	140		476.865.160.824	473.668.271.837
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	476.865.160.824	473.668.271.837
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.414.165.675	22.889.910.712
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		976.011.264	1.667.881.011
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.115.470.963	5.545.913.723
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	62.493.222	2.147.221.638
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		6.260.190.226	13.528.894.340

HỢP NHẤT CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.103.561.834.874	1.944.760.852.161
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		906.153.961.159	1.758.897.252.970
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	568.740.573.593	816.240.623.787
	- Nguyên giá	222		907.539.286.533	1.275.122.266.470
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(338.798.712.940)	(458.881.642.683)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.121.549.050	1.216.126.598
	- Nguyên giá	228		1.815.696.243	2.208.435.561
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(694.147.193)	(992.308.963)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	336.291.838.516	941.440.502.585
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.08	42.700.387.789	46.105.617.884
1.	Nguyên giá	241		43.423.296.545	46.734.784.545
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(722.908.756)	(629.166.661)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		107.899.278.198	76.220.358.198
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	400.000.000	400.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	107.499.278.198	75.820.358.198
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		8.494.634.721	16.388.284.483
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.353.634.721	16.247.284.483
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		141.000.000	141.000.000
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.12	38.313.573.007	47.149.338.626
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.371.772.185.232	3.645.916.243.710

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.097.124.593.923	2.272.839.699.187
I.	Nợ ngắn hạn	310		751.189.082.366	1.479.391.907.092
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	385.650.309.671	1.099.513.007.591
2.	Phải trả người bán	312		249.175.637.844	312.024.525.071
3.	Người mua trả tiền trước	313		14.878.537.348	10.010.103.892
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	29.753.961.283	28.953.042.636
5.	Phải trả người lao động	315		2.772.020.222	4.281.568.793
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	1.462.676.885	13.774.138.482
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	67.495.939.113	10.835.520.627
II.	Nợ dài hạn	330		345.935.511.557	793.447.792.095
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		34.312.309.161	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.17	6.040.000.000	52.307.245.469
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	304.657.618.361	739.725.594.911
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		925.584.035	1.414.951.715
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.225.314.460.708	1.075.625.036.722
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.225.314.460.708	1.075.625.036.722
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	766.111.437.372
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	136.107.750.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.314.370
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		125.314.460.708	173.404.534.980
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.20	49.333.130.601	297.451.507.801
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.371.772.185.232	3.645.916.243.710

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		60.157,45	9.697,76
	EUR		4.246,07	218,04
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7.	Mệnh giá cổ phiếu ủy thác		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

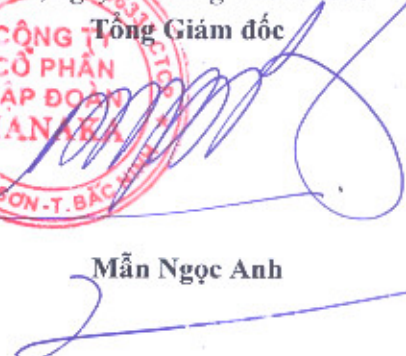


Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016



Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.211.141.686.600	2.077.083.765.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	5.967.896.241	1.576.399.046
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.205.173.790.359	2.075.507.366.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.099.779.231.789	1.672.471.969.461
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.394.558.570	403.035.396.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	9.670.343.189	9.268.174.424
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	66.064.381.009	166.333.645.850
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.862.310.100</i>	<i>143.969.342.069</i>
8. Chi phí bán hàng	24		13.294.428.097	30.610.723.269
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		54.437.162.447	53.154.706.386
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.731.069.794)	162.204.495.607
11. Thu nhập khác	31	VI.07	47.855.228.571	61.460.117.940
12. Chi phí khác	32	VI.08	18.556.777.311	59.740.913.286
13. Lợi nhuận khác	40		29.298.451.260	1.719.204.654
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.567.381.466	163.923.700.261
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.247.497.937	231.830.791
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.319.883.529	163.691.869.470
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		403.209.716	14.178.243.503
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		8.916.673.813	149.513.625.967
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	98	1.952

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		10.567.381.466	163.923.700.261
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		72.944.025.147	97.153.827.860
-	Các khoản dự phòng	03		-	(1.102.122.151)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.197.575.625	8.826.266.307
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.283.898.486)	(10.921.491.283)
-	Chi phí lãi vay	06		60.862.310.100	143.969.342.069
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		111.287.393.852	401.849.523.063
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		563.160.172.887	242.059.614.410
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3.196.888.987)	22.349.918.881
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(632.205.602.350)	(390.460.797.927)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		8.585.519.509	13.301.563.206
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(59.808.376.684)	(143.969.342.069)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.080.964.698)	(1.373.574.264)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		168.512.220	4.927.168.783
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.817.988.038)	(10.025.007.336)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.908.222.289)	138.659.066.746
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(19.268.587.563)	(235.941.877.206)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		45.258.414.767	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(448.802.876)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.879.900.000	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.694.924.382	4.073.277.524
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		30.564.651.586	(232.317.402.558)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		197.780.812.628	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.014.857.094.605	1.842.947.896.776
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.281.495.346.849)	(1.698.578.428.156)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(353.847.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(69.211.286.616)	144.369.468.620
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(65.554.857.319)	50.711.132.808
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.517.810.036	19.800.700.349
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	5.976.879
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.962.952.717	70.517.810.036

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc




Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
 - Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
 - Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
 - Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xè băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
 - Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
 - Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
 - Sản xuất các loại dây đồng trần trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
 - Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
 - Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
 - Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vện xoắn, bọc thép, chống thấm);
 - Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
 - Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
 - Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
 - Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
 - Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
 - Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV; công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách Công ty con được hợp nhất gồm:

Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/3/2015
- Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	100%
- Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	Lô 15, khu Công nghiệp Tam Phước, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	90,98%
- Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	93,38%

- Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/3/2015
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Hanaka	Khu Công nghiệp Hanaka, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	33,98%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm nay và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

11-1-2010-1011

Phương pháp khấu hao TSCD hữu hình, TSCD vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà	50 năm
- Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao	

05. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	403.976.794	586.877.293
- Tiền gửi ngân hàng	4.558.975.923	69.930.932.743
Cộng	<u>4.962.952.717</u>	<u>70.517.810.036</u>

02. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	231.337.060.423	303.110.463.776
+ <i>Xuất đổi máy biến áp, bảo hành</i>	-	1.145.457.123
+ <i>Ông Mãn Ngọc Anh</i>	198.518.376.341	126.737.465.078
+ <i>Ông Vũ Hoài Nam</i>	12.685.000.000	12.685.000.000
+ <i>Cho vay mua cổ phần các cá nhân</i>	-	151.239.729.012
+ <i>Các đối tượng khác</i>	20.133.684.082	11.302.812.563
Cộng	<u>231.337.060.423</u>	<u>303.110.463.776</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	60.493.565.738	3.524.013
- Nguyên liệu, vật liệu	147.856.205.279	174.902.879.214
- Công cụ, dụng cụ	5.817.915.561	51.195.322.448
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.707.553.813	67.985.115.228
- Thành phẩm	154.992.583.474	151.188.223.746
- Hàng hoá	1.997.336.959	28.078.154.004
- Hàng gửi đi bán	-	315.053.184
Cộng	<u>476.865.160.824</u>	<u>473.668.271.837</u>

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	46.070.350	46.070.350
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	16.411.873	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.999	40.470.822
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	2.060.680.466
Cộng	<u>62.493.222</u>	<u>2.147.221.638</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>242.636.872.476</i>	<i>987.267.062.949</i>	<i>38.599.940.512</i>	<i>5.502.666.897</i>	<i>1.115.723.636</i>	<i>1.275.122.266.470</i>
- Mua trong năm	-	5.654.282.383	549.545.454	-	-	6.203.827.837
- Đầu tư XDCB hoàn thành	19.224.000.001	172.887.941.366	-	-	-	192.111.941.367
- Giảm do thanh lý Công ty con	-	(530.036.372.574)	(3.464.227.782)	(1.253.761.691)	(25.723.636)	(534.780.085.683)
- Trình bày lại khoản mục	9.610.388.265	(9.610.388.265)	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.168.488.334)	-	-	-	(30.168.488.334)
- Giảm theo TT45	-	(950.175.124)	-	-	-	(950.175.124)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>271.471.260.742</i>	<i>595.043.862.401</i>	<i>35.685.258.184</i>	<i>4.248.905.206</i>	<i>1.090.000.000</i>	<i>907.539.286.533</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>47.958.480.238</i>	<i>387.030.502.660</i>	<i>18.733.190.560</i>	<i>4.402.704.911</i>	<i>756.764.314</i>	<i>458.881.642.683</i>
- Khấu hao trong năm	13.087.280.795	55.274.291.749	3.733.996.844	523.886.112	136.250.004	72.755.705.504
- Tăng khác	-	(172.996.684.388)	(18.246.988)	(1.161.340.514)	(177.717.180)	(174.353.989.070)
- Trình bày lại khoản mục	(3.650.290.933)	3.650.290.933	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(17.499.047.671)	-	-	-	(17.499.047.671)
- Giảm theo TT45	(1.397.205)	(940.009.963)	-	(44.191.338)	-	(985.598.506)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>57.394.072.895</i>	<i>254.519.343.320</i>	<i>22.448.940.416</i>	<i>3.721.059.171</i>	<i>715.297.138</i>	<i>338.798.712.940</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>194.678.392.238</i>	<i>600.236.560.289</i>	<i>19.866.749.952</i>	<i>1.099.961.986</i>	<i>358.959.322</i>	<i>816.240.623.787</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>214.077.187.847</i>	<i>340.524.519.081</i>	<i>13.236.317.768</i>	<i>527.846.035</i>	<i>374.702.862</i>	<i>568.740.573.593</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>899.337.948</i>	<i>2.208.435.561</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do định giá	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm do không còn quan hệ mẹ con	-	(392.739.318)	(392.739.318)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.309.097.613</i>	<i>506.598.630</i>	<i>1.815.696.243</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>239.165.855</i>	<i>753.143.108</i>	<i>992.308.963</i>
- Khấu hao trong năm	29.091.060	65.486.488	94.577.548
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm do không còn quan hệ mẹ con	-	(392.739.318)	(392.739.318)
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>268.256.915</i>	<i>425.890.278</i>	<i>694.147.193</i>
III. Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.069.931.758</i>	<i>146.194.840</i>	<i>1.216.126.598</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>1.040.840.698</i>	<i>80.708.352</i>	<i>1.121.549.050</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	10.614.008.578	649.432.768.398
- Nhà xưởng cấp mở rộng	-	19.224.000.001
- Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	193.487.308.982	144.105.208.706
- Nhà xưởng Tập đoàn Hanaka	4.346.164.580	3.996.412.760
- Xưởng máy biến áp truyền tải	96.176.247.942	94.187.855.870
- Nhà xưởng Hatachi	3.560.139.761	3.560.139.764
- Công trình nhà hàng Hồng Kong	26.880.000.000	26.880.000.000
- Công trình khác	1.227.968.673	54.117.086
Cộng	336.291.838.516	941.440.502.585

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	46.734.784.545	-	3.311.488.000	43.423.296.545
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	46.734.784.545	-	3.311.488.000	43.423.296.545
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	629.166.661	93.742.095	-	722.908.756
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	629.166.661	93.742.095	-	722.908.756
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	43.423.296.545	-	93.742.095	42.700.387.789
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	43.423.296.545	-	93.742.095	42.700.387.789
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

09. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	47.499.278.198	15.820.358.198
+ Công ty Cổ phần Thiết bị điện	10.532.097.500	10.532.097.500
+ Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	31.678.920.000	-
+ Công ty Cổ phần Hanaka A.B.M	4.839.458.095	4.839.458.095
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	448.802.603	448.802.603
- Đầu tư dài hạn khác	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	107.499.278.198	75.820.358.198

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị lợi thế kinh doanh	5.157.387.984	7.907.994.908
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	399.926.167	1.030.541.429
- Chi phí khác	2.796.320.570	7.308.748.146
Cộng	8.353.634.721	16.247.284.483

12. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số kết chuyển vào chi phí	Giảm khác	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka - Korea	47.149.338.626	-	8.835.765.619	-	38.313.573.007
Cộng	47.149.338.626	-	8.835.765.619	-	38.313.573.007

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	385.650.309.671	987.161.740.884
- Vay ngân hàng	385.650.309.671	987.161.740.884
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bắc Ninh ^(a)	51.006.880.376	166.675.059.930
+ Ngân hàng TMCP Habubank Thanh Quan Hà Nội	-	65.000.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch 6 (vay VND)	39.933.110.000	172.917.577.156
+ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 ^(b)	286.963.119.295	359.149.192.760
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	-	79.915.556.437
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch 6 (vay USD)	7.747.200.000	143.504.354.601
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	112.351.266.707
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	112.351.266.707
Cộng	385.650.309.671	1.099.513.007.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Hợp đồng tín dụng số 2600-LAV-201300771 ngày 14/11/2013 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng 250.000.000.000 đồng. Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay VND là 11%/năm và USD, EUR là 5,5%/năm, điều chỉnh lãi 1 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.
- (b) Hợp đồng hạn mức tín dụng và bảo lãnh số 09.09/175407/2013/HỆTDHM ngày 09/09/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 đồng. Trong đó mức dư nợ cho vay LC và bảo lãnh thanh toán không quá 350.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất dây cáp điện. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định tại các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Bảo đảm tiền vay là thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp đã ký kết với ngân hàng; uy tín và năng lực tài chính của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác có liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh cấp; và thế chấp tài sản hình thành theo các hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng mua bán trong nước bằng nguồn vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay BIDV bao gồm: Nguyên vật liệu tồn kho, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, bán thành phẩm, thành phẩm và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm của công ty.

Từ ngày 06/10.2014, Hợp đồng số 09.09/175407/2013/HỆTDHM ngày 09/09/2013 nêu trên được thay thế bằng Hợp đồng tín dụng hạn mức và bảo lãnh số 01/2014/175407/HỆTDHM ngày 06/10/2014 và Phụ lục hợp đồng sửa đổi số PL01/01/2014/175407/HỆTDHM ngày 15/10/2014 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 1.000.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó dư nợ bảo lãnh, LC và dư nợ vay tối đa không vượt quá giới hạn 1.000.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC và các sản phẩm tín dụng khác nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2015. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa bên vay/ bên bảo đảm với ngân hàng có phạm vi bảo đảm gồm hợp đồng tín dụng này.

*Đơn vị tính: VND***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	28.425.247.613	23.616.985.136
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.166.923	18.096.342
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.832.994	39.978.025
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.247.497.937	5.121.424.521
- Thuế thu nhập cá nhân	76.215.816	156.558.612
Cộng	<u>29.753.961.283</u>	<u>28.953.042.636</u>

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	1.053.933.416	-
- Chi phí khác	408.743.469	13.774.138.482
Cộng	<u>1.462.676.885</u>	<u>13.774.138.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2.041.976.375	1.689.136.795
- Kinh phí công đoàn	57.631.179	151.890.930
- Bảo hiểm xã hội	730.009.535	964.088.060
- Bảo hiểm y tế	78.279.564	45.003.887
- Bảo hiểm thất nghiệp	38.757.145	24.837.105
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.660.000	295.660.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	64.328.625.315	7.664.903.850
+ <i>Phải trả cổ tức</i>	57.027.704.000	-
+ Ông Mã Ngọc Anh	1.815.520.828	1.815.520.828
+ Ông Nguyễn Tấn Nhứt	750.000.000	750.000.000
+ Các đối tượng khác	4.735.400.487	5.099.383.022
Cộng	67.495.939.113	10.835.520.627

17. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	-	28.469.710.469
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	13.797.535.000
- Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	6.040.000.000	10.040.000.000
Cộng	6.040.000.000	52.307.245.469

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	304.657.618.361	739.725.594.911
- Vay ngân hàng	304.657.618.361	739.725.594.911
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch 6 ^(a)	159.262.365.763	149.792.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bắc Ninh ^(b)	86.430.452.598	140.886.533.340
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 ^(c)	58.964.800.000	72.110.700.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thanh Quan	-	102.282.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt (VND)	-	54.785.643.313
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt (USD)	-	210.596.107.327
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt (EUR)	-	1.905.024.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thị xã Từ Sơn (VND)	-	1.074.314.457
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thị xã Từ Sơn (USD)	-	6.228.039.835
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thị xã Từ Sơn (EUR)	-	65.232.639
Cộng	304.657.618.361	739.725.594.911

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (a) Là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6 theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01-2009/HANAKA-SGD/HỆTDDH ngày 31/7/2009, với hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD để thanh toán tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hanaka iljin, thời hạn vay là 09 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay và một số tài sản của bên thứ ba. Số dư vay tại ngày 31/3/2015 là 63.500.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/175407/2013/HỆTDDH ngày 29/10/2013 với số tiền gốc vay là 67.589.535.000 đồng để đầu tư máy móc, thiết bị thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp điện. Thời hạn vay là 07 năm và khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/3/2015 là 56.089.535.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 04/175407/2014/HỆTD ngày 30/6/2014 với số tiền gốc vay là 59.792.550.763 đồng, khoản vay để thanh toán tiền đầu tư dự án máy móc thiết bị sản xuất dây điện từ của Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka, khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư vay tại ngày 31/3/2015 là 39.672.830.763 đồng.
- (b) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2600-LAV-201000305 ngày 19/5/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Bắc Ninh, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương để bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp Hanaka. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD, EUR là 7,5%, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai tại khu công nghiệp Hanaka.
- (c) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 03.175407/2013/HỆTDDH ngày 29/11/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch I, với số tiền là 3.500.000 USD để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến ngày 10/10/2021, lãi suất vay là 8,5% và điều chỉnh 3 tháng 01 lần, khoản vay này được đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka Korea.

52
CH
ÔN
I CH
I A I
N/
NH

19. **Vốn chủ sở hữu**

a. *Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	766.111.437.372	136.107.750.000	27.744.290.488	1.434.524	25.642.893.826	955.607.806.210
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	149.513.625.967	149.513.625.967
- Tăng khác	-	-	-	27.056	-	27.056
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(27.744.290.488)	-	(1.752.132.023)	(29.496.422.511)
Số dư cuối năm trước	766.111.437.372	136.107.750.000	-	1.461.580	173.404.387.770	1.075.625.036.722
Số dư đầu năm nay	766.111.437.372	136.107.750.000	-	1.461.580	173.404.387.770	1.075.625.036.722
- Tăng vốn trong năm nay	197.780.812.628	-	-	-	-	197.780.812.628
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.916.673.813	8.916.673.813
- Tăng vốn bằng cổ phiếu thưởng	136.107.750.000	(136.107.750.000)	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	(56.966.035.000)	(56.966.035.000)
- Giảm khác	-	-	-	(1.461.580)	(40.565.875)	(42.027.455)
Số dư cuối năm nay	1.100.000.000.000	-	-	-	125.314.460.708	1.225.314.460.708

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.100.000.000.000	766.111.437.372
Cộng	1.100.000.000.000	766.111.437.372

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	766.111.437.372	766.111.437.372
+ Vốn góp tăng trong năm	333.888.562.628	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.100.000.000.000	766.111.437.372
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	56.966.035.000	-
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	56.966.035.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.000.000	76.611.144
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	76.611.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.000.000	76.611.144
+ Cổ phiếu phổ thông	110.000.000	76.611.144
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

20. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Cộng hợp nhất báo cáo của các Công ty con	Phần lợi ích của cổ đông thiểu số	Phần lợi ích của Công ty mẹ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	781.346.976.637	45.880.000.000	735.466.976.637
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	1.203.780.506	-	1.203.780.506
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.131.710.013	3.453.130.601	8.678.579.412
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-
Cộng	794.682.467.156	49.333.130.601	745.349.336.555

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.178.833.399.074	1.933.184.012.931
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.906.310.142	136.035.327.381
- Doanh thu khác	401.977.384	7.864.424.883
Cộng	<u>1.211.141.686.600</u>	<u>2.077.083.765.195</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	734.011.978
- Giảm giá hàng bán	5.923.546.702	656.413.919
- Hàng bán bị trả lại	-	113.973.150
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	44.349.539	71.999.999
Cộng	<u>5.967.896.241</u>	<u>1.576.399.046</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.172.909.852.372	1.931.679.613.884
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.861.960.603	135.963.327.382
- Doanh thu khác	401.977.384	7.864.424.883
Cộng	<u>1.205.173.790.359</u>	<u>2.075.507.366.149</u>

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.061.229.651.734	1.652.542.190.991
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.549.580.055	19.929.778.470
Cộng	<u>1.099.779.231.789</u>	<u>1.672.471.969.461</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.547.182	679.349.743
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.233.377.200	3.393.927.781
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.329.187.514	3.364.019.088
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	276.538.603	1.666.777.822
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.369.692.690	164.099.990
Cộng	<u>9.670.343.189</u>	<u>9.268.174.424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	60.862.310.100	143.969.342.069
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.711.227.080	6.918.777.327
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.474.114.228	10.493.044.129
- Chi phí tài chính khác	16.729.601	4.952.482.325
Cộng	66.064.381.009	166.333.645.850

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	45.258.414.767	47.979.257.989
- Thu từ bán phế liệu	2.981.818	7.803.750.417
- Thuế nhập khẩu được hoàn	416.605.485	-
- Thu nhập khác	2.177.226.501	5.677.109.534
Cộng	47.855.228.571	61.460.117.940

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	12.669.440.663	41.131.044.230
- Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	1.135.039.386	1.321.655.325
- Chi phí giai đoạn tạm ngưng sản xuất	572.098.830	-
- Chi phí bán phế liệu	-	9.054.512.506
- Chi phí nhập khác	4.180.198.432	8.233.701.225
Cộng	18.556.777.311	59.740.913.286

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.247.497.937	231.830.791
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.247.497.937	231.830.791

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	8.916.673.813	149.513.625.967
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.916.673.813	149.513.625.967
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	91.173.164	76.611.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	98	1.952

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban điều hành</i>		
+ Phải thu ngắn hạn khác	198.518.376.341	126.737.465.078
Cộng nợ phải thu	198.518.376.341	126.737.465.078
<i>Ban điều hành</i>		
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.815.520.828	1.815.520.828
Cộng nợ phải trả	1.815.520.828	1.815.520.828

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	2.754.000.000
Cộng	2.754.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	Công ty mẹ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Hồng Ngọc</i>	<i>124.377.464.071</i>	<i>209.043.322.497</i>
+ Phải thu khách hàng	124.377.464.071	209.043.322.497
Cộng nợ phải thu	124.377.464.071	209.043.322.497
<i>Công ty TNHH Hồng Ngọc</i>	<i>13.797.535.000</i>	<i>13.797.535.000</i>
+ Phải trả người bán ngắn hạn	-	13.797.535.000
+ Phải trả người bán dài hạn	13.797.535.000	-
Cộng nợ phải trả	13.797.535.000	13.797.535.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót

Điều chỉnh hồi tố

Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố tại Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka – Korea, Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka và một số khoản mục trình bày lại phù hợp với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Cụ thể như sau:

STT	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Đơn vị tính: VND	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
TÀI SẢN					
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.134.079.398.964	1.134.079.398.964		-
1. Phải thu khách hàng	131	345.735.013.827	618.019.690.858	(272.284.677.031)	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	272.284.677.031	-	272.284.677.031	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.982.151.841.494	1.944.760.852.161		37.390.989.333
II. Tài sản cố định	220	1.796.288.242.303	1.758.897.252.970		37.390.989.333
1. Tài sản cố định hữu hình	221	842.972.345.999	816.240.623.787	26.731.722.212	
- Nguyên giá	222	1.245.533.216.353	1.275.122.266.470	(29.589.050.117)	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(402.560.870.354)	(458.881.642.683)	56.320.772.329	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	952.099.769.706	941.440.502.585	10.659.267.121	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3.683.307.233.043	3.645.916.243.710		37.390.989.333
NGUỒN VỐN					
I. Nợ ngắn hạn	310	1.479.391.907.092	1.479.391.907.092		-
2. Phải trả người bán	312	152.307.143.264	312.024.525.071	(159.717.381.807)	
7. Phải trả nội bộ	317	159.717.381.807	-	159.717.381.807	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.146.066.330.738	1.075.625.036.722		70.441.294.016
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.146.066.330.738	1.075.625.036.722		70.441.294.016
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	1.461.580	1.314.370	147.210	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	243.845.681.786	173.404.534.980	70.441.146.806	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	264.401.203.118	297.451.507.801		(33.050.304.683)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.683.307.233.043	3.645.916.243.710		37.390.989.333

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>					
STT	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT					
4.	Giá vốn hàng bán	11	1.659.271.916.778	1.672.471.969.461	(13.200.052.683)
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	416.235.449.371	403.035.396.688	13.200.052.683
7.	Chi phí tài chính	22	165.264.033.473	166.333.645.850	(1.069.612.377)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	176.474.160.667	162.204.495.607	14.269.665.060
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		178.193.365.321	163.923.700.261	14.269.665.060
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN		177.961.534.530	163.691.869.470	14.269.665.060
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.237.359.717	14.178.243.503	(12.940.883.786)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		176.724.174.813	149.513.625.967	27.210.548.846
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	178.193.365.321	163.923.700.261	14.269.665.060
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	83.862.608.514	97.153.827.860	(13.291.219.346)
-	lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(7.756.653.930)	8.826.266.307	(16.582.920.237)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.073.277.524)	(10.921.491.283)	6.848.213.759
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	393.093.262.299	401.849.523.063	(8.756.260.764)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(413.257.632.893)	242.059.614.410	(655.317.247.303)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	22.349.918.881	22.349.918.881	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	150.614.509.951	(390.460.797.927)	541.075.307.878
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	142.227.698.247	4.927.168.783	137.300.529.464
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(653.816.120.961)	(10.025.007.336)	(643.791.113.625)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(490.829.717.604)	138.659.066.746	(629.488.784.351)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	274.719.690.057	(235.941.877.206)	510.661.567.263
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	660.033.579.095	-	660.033.579.095
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(280.301.060.331)	(448.802.876)	(279.852.257.455)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>					
STT		Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	283.835.785.950	-	283.835.785.950
	<i>Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động đầu tư</i>	30	942.361.272.295	(232.317.402.558)	1.174.678.674.853
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.717.479.773.887	1.842.947.896.776	125.468.122.889
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.118.294.218.891)	(1.698.578.428.156)	419.715.790.735
	<i>Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động tài chính</i>	40	(400.814.445.004)	144.369.468.620	545.183.913.624
	Lưu chuyển tiền thuận trong năm	50	50.717.109.687	50.711.132.808	1.090.373.804.126
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	5.976.879	5.976.879

04. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất và thương mại: Sản xuất cáp điện, máy biến áp, bao bì kim loại và kinh doanh các sản phẩm khác.
- Dịch vụ: Đại lý bảo hiểm, cho thuê kho bãi, nhà hàng,

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất, thương mại	Dịch vụ	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.173.311.829.756	31.861.960.603	1.205.173.790.359
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Chi phí phân bổ	1.182.073.690.412	41.831.169.741	1.223.904.860.153
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(8.761.860.656)	(9.969.209.138)	(18.731.069.794)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.203.827.837	-	6.203.827.837
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	72.476.878.953	467.146.194	72.944.025.147
Cuối năm nay			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.197.468.059.399	28.091.274.628	2.225.559.334.027
Tài sản không phân bổ	2.197.468.059.399	28.091.274.628	2.371.772.185.232
Tổng tài sản	1.068.119.199.956	29.005.393.967	1.097.124.593.923
Nợ phải trả bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	1.068.119.199.956	29.005.393.967	1.097.124.593.923

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.962.952.717	-	70.517.810.036	-	4.962.952.717	70.517.810.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	657.293.102.552	(165.040.698)	921.130.154.634	(165.040.698)	657.128.061.854	920.965.113.936
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	107.499.278.198	-	75.820.358.198	-	107.499.278.198	75.820.358.198
Cộng	769.755.333.467	(165.040.698)	1.067.468.322.868	(165.040.698)	769.590.292.769	1.067.303.282.170
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	249.175.637.844	312.024.525.071	249.175.637.844	312.024.525.071		
Vay và nợ	690.307.928.032	1.839.238.602.502	690.307.928.032	1.839.238.602.502		
Chi phí phải trả	1.462.676.885	13.774.138.482	1.462.676.885	13.774.138.482		
Các khoản phải trả khác	64.328.625.315	49.932.149.319	64.328.625.315	49.932.149.319		
Cộng	1.005.274.868.076	2.214.969.415.374	1.005.274.868.076	2.214.969.415.374		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu Công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	249.175.637.844	-	-	249.175.637.844
Vay và nợ	385.650.309.671	304.657.618.361	-	690.307.928.032
Chi phí phải trả	1.462.676.885	-	-	1.462.676.885
Các khoản phải trả khác	64.328.625.315	-	-	64.328.625.315
Cộng	700.617.249.715	304.657.618.361	-	1.005.274.868.076
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	312.024.525.071	-	-	312.024.525.071
Vay và nợ	1.099.513.007.591	739.725.594.911	-	1.839.238.602.502
Chi phí phải trả	13.774.138.482	-	-	13.774.138.482
Các khoản phải trả khác	7.664.903.850	42.267.245.469	-	49.932.149.319
Cộng	1.432.976.574.994	781.992.840.380	-	2.214.969.415.374

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Trong đó, một số khoản mục đã được điều chỉnh để phù hợp với quy định hiện hành về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Huyền

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Bắc Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh